

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2022/DS – PT

Ngày: 03/03/2022

V/v “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 và 03 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 288/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân quận O.M. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2022QĐ - PT ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn V.N.**, sinh năm 1949.

Địa chỉ cư trú: khu vực T.T.Đ., phường T.L., quận O.M., thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông **Trần H.Tr.**, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: khu vực T.T.Đ., phường T.L., quận O.M., thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Th.Tr., sinh năm

Trú tại: số 15/7, khu vực 2, đường L., phường T.N., quận B.T., thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn:* Ông Lâm V.M., sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: số 15 đường Đ., phường T.B., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn V.N..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn V.N. trình bày: Ông và ông Tr. thỏa thuận miệng hùn vốn nuôi cá. Trong quá trình nuôi cá, ông có nợ tiền mua thức ăn cá của ông Lâm V.M. là 230 triệu đồng. Ngày 19/10/2010, ông M. có làm tờ cam kết với ông là đứng bán dùm cá và giữ số tiền này để chờ khi ông và ông Tr. quyết toán xong với nhau việc hùn hạp thì ông M. đưa lại cho ông và ông M. còn tự nguyện cam kết trả tiền lãi 1%/tháng cho ông khi giữ số tiền bán cá. Ông M. bán cá được 1.624.293.000 đồng và ông có ứng ra 3 đợt tiền là 133 triệu đồng, cộng với số tiền ông còn nợ thức ăn của ông M. là 230 triệu đồng nên trừ vào số tiền ông M. bán cá còn lại 1.261.293.000 đồng.

Tuy nhiên khi bán xong ao cá, ông Tr. lại tự thỏa thuận với ông M. là sau khi trừ số tiền thức ăn mà ông nợ ông M. thì ông Tr. sẽ nhận số tiền còn lại 1.261.293.000 đồng, hiện ông M. đã đưa số tiền này cho ông Tr.. Vì ông Tr. và ông M. cấu kết với nhau để lấy số tiền nói trên.

Vào năm 2010 ông Tr. hỏi mượn ông số tiền 149.926.707 đồng để đóng lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNN Việt Nam - Chi nhánh quận O.M. dùm cho ông Tr. với lãi suất 12% (tổng cộng 11 phiếu đóng lãi). Đồng thời ông Tr. còn hỏi mượn ông 95.000.000 đồng để cất nhà. Tổng cộng ông Tr. còn nợ ông 244.926.707 đồng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Trần H.Tr. và người có liên quan Lâm V.M. trả lại cho ông 1.261.293.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21/10/2010 đến ngày giải quyết vụ kiện. Buộc ông Trần H.Tr. trả số tiền 244.926.707 đồng là tiền thiếu các khoản: mượn đóng ngân hàng 149.926.707 đồng; mượn để cất nhà 95.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21/10/2010 đến ngày giải quyết vụ kiện.

Phần trình bày của bị đơn ông Trần H.Tr. và trong quá trình giải quyết vụ án – người đại diện hợp pháp của bị đơn đều trình bày:

Nguyên trước đây, ông Tr. và ông N. có hùn vốn nuôi cá chung với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi cá do thiếu vốn nên ông Tr. và ông N. có nợ tiền thức ăn của ông M.. Để thu hồi phần nợ, ông M. có yêu cầu ông Tr. và ông N. giao ao cá cho ông M. đi bán giúp cho, số tiền bán cá được sau khi trừ cần tiền thức ăn sẽ hoàn trả lại cho ông Tr.. Sự việc được ông Tr., ông N. thống nhất, ngày 19/7/2010 ông M. viết một bản cam kết với nội dung: Ông Tr. và ông N. hứa sau khi ông M. bán cá xong sẽ cần trừ tiền nợ thức ăn và đợi ông N. và ông Tr. quyết toán xong sẽ hoàn trả lại số tiền còn lại. Ông M. đồng ý trả lại 1% trong thời gian ông giữ số tiền này.

Thực hiện theo lời hứa, ông M. bán được tổng số tiền là 1.624.293.000 đồng, sau khi cần trừ tiền thức ăn còn thiếu là 462.486.000 đồng ông M. đưa cho ông Tr. 1.064.807.000 đồng và đưa cho ông N. 133.000.000 đồng. Do làm ăn ngày càng thua lỗ, ngày 30/10/2010 ông Tr. và ông N. quyết định không cùng nuôi cá tra

chung nữa và lập biên bản thanh toán tiền hùn nuôi cá chung với nhau. Trên biên bản trên nêu rõ số tiền bán cá đã được ông Tr. và ông N. trả nợ bên ngoài hết 1.127.000.000 đồng, trả nợ ngân hàng trước 300.000.000 đồng, tiền thuốc 33.000.000 đồng, còn lại 165.000.000 đồng ông Tr. có trách nhiệm trả cho ngân hàng vốn lẫn lãi từ ngày 30/10/2010.

Tại biên bản đối chất ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân quận O.M., ông N. thừa nhận đã nhận đủ số tiền ông M. bán cá giùm. Bên cạnh đó, ông N. cũng xác nhận đã nhận đầy đủ của ông M. tại bản án phúc thẩm số 151/2017/DS-PT ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết tranh chấp hợp đồng góp vốn và hợp đồng vay tài sản giữa ông N. và ông Tr., bản án cũng đã có hiệu lực thi hành. Tại bản án phúc thẩm số 153/2020/DS-PT ngày 17/12/2020, về việc tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản do Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết đã bác đơn khởi kiện của ông N. về việc yêu cầu ông Lâm V.M. trả cho ông N. số tiền bán cá là 1.261.293.000 đồng và tiền đóng lãi 149.926.707 đồng do ông N. tự tính vì cho rằng không có cơ sở, nên đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

Ông Tr. cũng không nhận số tiền 95.000.000 đồng từ ông N.. Trong thời gian hùn vốn nuôi cá, ông Tr. có bỏ vô số tiền 115.000.000 đồng từ tiền bán lúa của gia đình để tiếp tục nuôi cá với ông N.. Sau khi hai người không cùng nhau làm ăn nữa, ông Tr. nhận lại số tiền 115.000.000 đồng từ số tiền ông M. bán cá và cũng được ông N. ký tên vào giấy xác nhận. Sau khi nhận lại, ông Tr. xây dựng lại căn nhà của mình là hoàn toàn phù hợp. Ông N. cũng không đưa ra được bất kỳ bằng chứng nào chứng minh việc ông Tr. có mượn tiền của Ne nên việc yêu cầu ông Tr. trả lại 95.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng, ông Tr. không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Lâm V.M. trình bày:

Vụ việc đã quá lâu và đã giải quyết xong ngày 30/10/2010 các bên ông, ông Tr. và ông N. quyết định không cùng nuôi cá tra chung nữa và lập biên bản thanh toán tiền hùn nuôi cá chung với nhau. Vụ việc đã được Tòa án O.M., Tòa án N.K. giải quyết xong. Nay đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông N..

Tại bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân quận O.M. đã tuyên xử như sau:

1/. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn V.N. về yêu cầu ông Trần H.Tr., ông Lâm V.M. trả số tiền bán cá 1.261.293.000 đồng (Một tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn đồng) và yêu cầu ông Trần H.Tr. trả số tiền đóng lãi ngân hàng 149.926.707 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng), vì sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2/. Bác yêu cầu của ông Nguyễn V.N. về yêu cầu ông Trần H.Tr. trả tiền cát nhà 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19/11/2021 bị đơn ông Nguyễn V.N. có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ chứng cứ ở giai đoạn sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn ông Nguyễn V.N. trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc ông Tr. trả lại tiền cho ông N. theo yêu cầu khởi kiện của ông. Đồng thời yêu cầu ông Tr. cung cấp giấy tờ bản chính về việc ông M. giao tiền cho ông Tr..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Bà Phan Thị Th.Tr. trình bày: Ông Tr. không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông N.. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr. có ý kiến không thiếu ông N. số tiền 95.000.000 đồng, còn số tiền 1.261.293.000 đồng đã được hai bên thanh toán xong nên ông Tr. không đồng ý với yêu cầu của ông N..

Ông Lâm V.M. trình bày: Lời trình bày của ông Nguyễn V.N. đối với yêu cầu kháng cáo đã được xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm. Ông M. đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa cấp phúc thẩm thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông N. trong thời hạn luật định nên phù hợp về hình thức.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Xét thấy vào khoảng năm 2006 đến năm 2010, giữa ông Nguyễn V.N. và ông Trần H.Tr. có hùn vốn nuôi cá, việc hùn vốn này các bên thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Theo khai nhận của các bên năm 2010, ông N. và ông Tr. nhờ ông Lâm V.M. đứng ra bán giùm được số tiền là 1.624.293.000 đồng. Tại biên bản ngày 30/10/2010, các bên thống nhất sau khi thanh toán nợ số tiền còn lại 498.000.000 đồng để đóng lãi ngân hàng. Tuy nhiên sau đó giữa các bên có phát sinh tranh chấp tại Tòa án và được giải quyết tại bản án phúc thẩm số 151/2017/DS-PT ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ về tranh chấp hợp đồng góp vốn và hợp đồng vay tài sản; Và bản án phúc thẩm số 153/2020/DS-PT ngày 17/12/2020, về tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông N. là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông Trần H.Tr. phải trả số tiền 95.000.000 đồng mượn để cất nhà, ông N. không chứng minh được đã cho ông Tr. mượn tiền và không cung cấp được tài liệu chứng cứ nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông N. là phù hợp. Ông Nguyễn V.N. kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo, áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tiền tạm ứng án phí của ông Nguyễn V.N. thực hiện đúng qui định của pháp luật, nên có cơ sở xem xét về hình thức.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn V.N.. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa ông N. và ông Tr. có thỏa thuận hùn vốn nuôi cá tra từ năm 2006 đến năm 2010. Việc hùn vốn do hai bên tự thỏa thuận không lập thành văn bản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N. xác nhận quá trình hùn vốn nuôi cá liên quan tiền bạc trước đó đều đã được hai bên giải quyết xong. Tuy nhiên, đối với số tiền 1.625.293.000 đồng bán cá đợt sau cùng năm 2010, ông N. và Trung nhờ ông Lâm V.M. bán dùm các bên chưa thống nhất giải quyết nên xảy ra tranh chấp giữa các bên liên quan đến số tiền góp vốn và nợ vay, nên ông N. đã khởi kiện đối với bị đơn ông Trần H.Tr. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm V.M.: Yêu cầu ông Trần H.Tr., ông Lâm V.M. trả lại số tiền bán cá 1.261.293.000 đồng, lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21/10/2010 đến ngày giải quyết vụ kiện và yêu cầu ông Tr. trả số tiền đóng lãi ngân hàng 149.926.707 đồng.

[3] Căn cứ vào lời khai nhận giữa các bên xác định số tiền bán cá đợt sau cùng năm 2010, ông Nguyễn V.N., ông Trần H.Tr. nhờ ông Lâm V.M. bán dùm được số tiền là 1.625.293.000 đồng.

Trong số tiền trên, ông N. cho rằng trừ tiền thức ăn còn nợ ông M. 230.000.000 đồng thì ông N. có ứng 03 đợt số tiền là 133.000.000, số tiền còn lại là 1.261.293.000 đồng theo cam kết ông M. phải giao lại cho ông N. và ông Tr. nhưng ông M. đã không giữ đúng lời đã giao cho ông Tr..

Đối với số tiền bán cá, ông Lâm V.M. xác định ông trừ nợ thức ăn cá là 426.486.000 đồng, số tiền ông M. đưa cho ông N. là 133.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Tr. nhận là 1.064.000.000 đồng.

Căn cứ theo Biên bản ngày 30/10/2010, nội dung thể hiện việc thanh toán tiền giữa các bên, theo đó ông Tr. và ông N. xác nhận còn nợ ngân hàng là 5.400.000.000 đồng, thống nhất mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ ngân hàng là 2.700.000.000 đồng; xác định số tiền bán cá tra là 1.625.293.000 đồng, số tiền này sau khi thanh toán nợ chung của hai bên là 1.127.000.000 đồng, số còn lại 498.000.000 đồng trả gốc lãi ngân hàng.

Tại biên bản đối chất ngày 02/5/2013 tại Tòa án nhân dân quận O.M., ông Tr., ông N. đều thừa nhận chữ ký trong Biên bản ngày 30/10/2010 về việc thanh toán tiền hùn vốn nuôi cá và thỏa thuận giải quyết nợ ngân hàng là của hai ông.

Từ đó cho thấy, theo Biên bản thỏa thuận giải quyết nợ ngân hàng ngày 30/10/2010, ông N. và ông Tr. đã giải quyết xong tiền bạc trong vấn đề hùn vốn nuôi cá và nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng mà các bên đã vay. Ông N. không cung

cấp chứng cứ nào khác cho việc thay đổi quyết toán nợ này, cũng như ý kiến xác nhận từ bị đơn để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi thỏa thuận theo biên bản ngày 30/10/2010, các bên đã phát sinh tranh chấp nên vào ngày 01/02/2012, ông N. khởi kiện ông Tr. đến Tòa án nhân dân quận O.M. tranh chấp hợp đồng góp vốn và hợp đồng vay tài sản và được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 20/4/2017, sau đó Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo kháng cáo của ông N. tại bản án dân sự phúc thẩm số: 151/2017/DS-PT ngày 28/9/2017. Đến năm 2019, ông N. tiếp tục có đơn khởi kiện ông M. đến Tòa án nhân dân quận N.K. tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và được giải quyết tại bản án số 27/2020/DS-ST ngày 12/6/2020, sau đó được xét xử lại theo bản án dân sự phúc thẩm số: 153/2020/DS-PT ngày 17/12/2020.

Xét việc tranh chấp về số tiền bán cá 1.261.293.000 đồng và số tiền đóng lãi ngân hàng 149.926.707 đồng, đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay ông N. tiếp tục khởi kiện lại sự việc đã được giải quyết là không có cơ sở chấp nhận, cấp sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu ông Tr. trả số tiền mượn 95.000.000 đồng để cất nhà. Nhận thấy, ông N. cho rằng ông Tr. mượn tiền để cất nhà. Tuy nhiên, ngoài ý kiến trình bày thì ông N. không cung cấp hay đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông Tr. có mượn tiền của ông. Đồng thời, phía ông Tr. cũng không thừa nhận. Tại phiên tòa, ông N. cho rằng tại cấp sơ thẩm người đại diện của ông Tr. có thừa nhận việc mượn 95.000.000 đồng nhưng trước phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của ông Tr. cho rằng ông Tr. chỉ thừa nhận về số tiền 115.000.000 đồng hùn vốn với ông N. chứ không phải số tiền 95.000.000 đồng như ông N. trình bày, nên không có cơ sở xem xét. Từ đó cho thấy lời trình bày của của ông Nguyễn V.N. là không có cơ sở chấp nhận, nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông là phù hợp.

[5] Ông Nguyễn V.N. kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới để HĐXX xem xét nên yêu cầu kháng cáo của ông N. là không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm đề nghị của viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí phúc thẩm: Theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, ông Nguyễn V.N. thuộc trường hợp được miễn..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn V.N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn V.N. về yêu cầu ông Trần H.Tr., ông Lâm V.M. trả số tiền bán cá 1.261.293.000 đồng (Một tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn đồng) và yêu cầu ông Trần H.Tr. trả số tiền đóng lãi ngân hàng 149.926.707 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng), vì sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2/. Bác yêu cầu của ông Nguyễn V.N. về yêu cầu ông Trần H.Tr. trả tiền cất nhà 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

3/. Về án phí :

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn V.N. được miễn án phí.
- Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn V.N. không phải nộp.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân quận O.M.;
- Chi cục T.H.A DS quận O.M.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải